# Chi tiết mã HS 9018.90

| | |
|---|---|
| **Mã HS** | 9018.90 |
| **Mô tả hàng hóa** | Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: |
| **Đơn vị** | |
| **Thời điểm tạo** | 10/11/2026 21:02:47 |
| **Phiên bản dữ liệu** | 2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx |
| **Trạng thái xác minh** | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh. |
| **Liên kết** | https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/901890/ |

## 5 dòng thuế thuộc 9018.90

| Mã HS | Mô tả hàng hóa | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT |
|---|---|---|---|---|---|
| 9018.90.10 | Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Đèn sợi quang loại dùng đeo trên đầu, được thiết kế dùng trong y học(SEN) | chiếc/bộ | 5% | 0% | 5 / 8 / 10 (nhiều mức) |
| 9018.90.20 | Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Bộ theo dõi tĩnh mạch | chiếc/bộ | 5% | 0% | 5 / 8 / 10 (nhiều mức) |
| 9018.90.31 | Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Dụng cụ và thiết bị điện tử: / - - - Dụng cụ và thiết bị phẫu thuật điện tử hoặc y học điện tử | chiếc/bộ | 5% | 0% | 5 / 8 / 10 (nhiều mức) |
| 9018.90.39 | Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Dụng cụ và thiết bị điện tử: / - - - Loại khác | chiếc/bộ | 5% | 0% | 5 / 8 / 10 (nhiều mức) |
| 9018.90.90 | Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nhấp nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực / - Thiết bị và dụng cụ khác: / - - Loại khác | chiếc/bộ | 5% | 0% | 5 / 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.